

## PHỤ LỤC

**Danh mục các quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế, khu vực, nước ngoài liên quan đến ICT phát triển đô thị thông minh**  
(Kèm theo Khung kiến trúc công nghệ thông tin và truyền thông (ICT) phát triển đô thị thông minh quốc gia – Phiên bản 2.0)

TT	Tên quy chuẩn, tiêu chuẩn	Văn bản ban hành
<b>I</b>	<b>Quy chuẩn kỹ thuật</b>	
1	QCVN 09:2025/BCA Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Cấu trúc thông điệp dữ liệu đối với cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia	Thông tư số 08/2025/TT-BCA ngày 05/02/2025
2	QCVN 75:2013/BTTTT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về thiết bị truyền dẫn dữ liệu tốc độ thấp dải tần 5.8 GHz ứng dụng trong lĩnh vực giao thông vận tải	Thông tư số 16/2013/TT-BTTTT ngày 10/7/2013
3	QCVN 76:2013/BTTTT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về thiết bị truyền dẫn dữ liệu tốc độ cao dải tần 5.8 GHz ứng dụng trong lĩnh vực giao thông vận tải	Thông tư số 16/2013/TT-BTTTT ngày 10/7/2013
4	QCVN 112:2017/BTTTT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tương thích điện từ đối với thiết bị vô tuyến truyền dữ liệu băng rộng	Thông tư số 18/2017/TT-BTTTT ngày 11/9/2017
5	Sửa đổi 1:2024 QCVN 126:2021/BTTTT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng dịch vụ truy nhập Internet trên mạng viễn thông di động mặt đất 5G	Thông tư số 22/2024/TT-BTTTT ngày 31/12/2024
6	QCVN 127:2021/BTTTT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về thiết bị đầu cuối mạng thông tin di động 5G độc lập - Phần truy nhập vô tuyến	Thông tư số 06/2021/TT-BTTTT ngày 31/8/2021
7	QCVN 128:2021/BTTTT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về thiết bị trạm gốc thông tin di động 5G - Phần truy nhập vô tuyến	Thông tư số 05/2021/TT-BTTTT ngày 16/8/2021
8	QCVN 129:2021/BTTTT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về thiết bị đầu cuối mạng thông tin di động 5G lai ghép - Phần truy nhập vô tuyến	Thông tư số 28/2021/TT-BTTTT ngày 31/12/2021
9	QCVN 109: 2017/BTTTT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cấu trúc thông điệp dữ liệu công dân trao đổi với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư	Thông tư số 02/2017/TT-

TT	Tên quy chuẩn, tiêu chuẩn	Văn bản ban hành
		BTTTT ngày 04/4/2017
10	QCVN 120:2019/BTTTT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cấu trúc, định dạng dữ liệu gói tin phục vụ kết nối Công Dịch vụ công quốc gia với Công Dịch vụ công, hệ thống thông tin một cửa điện tử cấp bộ, cấp tỉnh và các cơ sở dữ liệu quốc gia, chuyên ngành	Thông tư số 18/2019/TT-BTTTT ngày 25/12/2019
11	QCVN 125:2021/BTTTT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cấu trúc, định dạng dữ liệu phục vụ kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin báo cáo trong Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia	Thông tư số 02/2021/TT-BTTTT ngày 21/6/2021
12	QCVN 135:2024/BTTTT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về thiết bị camera giám sát sử dụng giao thức Internet - Các yêu cầu an toàn thông tin cơ bản	Thông tư số 21/2024/TT-BTTTT ngày 31/12/2024
<b>II</b>	<b>Tiêu chuẩn kỹ thuật</b>	
1	Thành phố thông minh - Từ vựng Smart cities – Vocabulary	TCVN 12135:2018
2	Khung thành phố thông minh - Hướng dẫn thiết lập các chiến lược cho thành phố và cộng đồng thông minh Smart city framework - Guide to establishing strategies for smart cities and communities	TCVN 12136:2018
3	Thành phố thông minh - Hướng dẫn Smart cities - Guide	TCVN 12138:2018
4	Thành phố thông minh - Hướng dẫn đối với vai trò trong quá trình qui hoạch và phát triển Smart cities - Guide to the role of the planning and development process	TCVN 12139:2018
5	Hướng dẫn xây dựng cộng đồng bền vững Guidance for community sustainable development	TCVN 12140:2018
6	Đô thị thông minh - Hướng dẫn thiết lập mô hình liên thông dữ liệu Smart City - Guidance for establishing a model for data interoperability	TCVN 14168:2024
7	Đô thị thông minh - Hướng dẫn thiết lập khung ra quyết định đối với chia sẻ dữ liệu và dịch vụ thông tin	TCVN 14169:2024

TT	Tên quy chuẩn, tiêu chuẩn	Văn bản ban hành
	Smart cities — Guide to establishing a decision-making framework for sharing data and information services	
8	Đô thị thông minh - Khung dữ liệu mở Smart cities — Framework of open data in smart cities	TCVN 14170:2024
9	Đặc tả tập dữ liệu mở cho cổng dữ liệu Open dataset specification of data portal	TCVN 14171:2024
10	Công trình xây dựng – Tổ chức thông tin về công trình xây dựng – Phần 2: Khung phân loại Building construction – Organization of information about construction works – Part 2: Framework for classification	TCVN 14176-2:2024
11	Tổ chức và số hóa thông tin về công trình xây dựng, bao gồm mô hình hóa thông tin công trình (BIM) – Quản lý thông tin sử dụng mô hình hóa thông tin công trình – Phần 1: Khái niệm và nguyên tắc Organization and digitization of information about buildings and civil engineering works, including building information modelling (BIM) – Information management using building information modelling – Part 1: Concepts and principles	TCVN 14177-1:2024
12	Tổ chức và số hóa thông tin về công trình xây dựng, bao gồm mô hình hóa thông tin công trình (BIM) – Quản lý thông tin sử dụng mô hình hóa thông tin công trình – Phần 2: Giai đoạn chuyển giao tài sản Organization and digitization of information about buildings and civil engineering works, including building information modelling (BIM) – Information management using building information modelling – Part 2: Delivery phase of the assets	TCVN 14177-2:2024
13	Đô thị và cộng đồng bền vững – Từ vựng Sustainable cities and communities — Vocabulary	TCVN ISO 37100:2020
14	Phát triển bền vững cho cộng đồng – Hệ thống quản lý về phát triển bền vững – Các yêu cầu và hướng dẫn sử dụng Sustainable development in communities – Management system for sustainable development – Requirements with guidance for use	TCVN 37101:2018

TT	Tên quy chuẩn, tiêu chuẩn	Văn bản ban hành
15	Đô thị và cộng đồng bền vững – Chuyển đổi đô thị – Hướng dẫn thực hiện trong thực tiễn ở địa phương theo TCVN 37101 Radiological protection — Criteria and performance limits for the periodic luation of dosimetry services	TCVN ISO 37104:2020
16	Đô thị và cộng đồng bền vững – Khung mô tả cho các đô thị và cộng đồng Sustainable cities and communities — Descriptive framework for cities and communities	TCVN ISO 37105:2020
17	Đô thị và cộng đồng bền vững – Hướng dẫn thiết lập mô hình hoạt động của đô thị thông minh cho cộng đồng bền vững Sustainable cities and communities – Guidance on establishing smart city operating models for sustainable communities	TCVN ISO 37106:2018
18	Đô thị và cộng đồng bền vững – Mô hình trưởng thành cho các cộng đồng thông minh và bền vững Sustainable cities and communities – Maturity model for smart sustainable communities	TCVN ISO/TS 37107:2020
19	Phát triển bền vững cho cộng đồng – Các chỉ số về dịch vụ và chất lượng sống đô thị Sustainable development in communities – Indicators for city services and quality of life	TCVN 37120:2018
20	Đô thị và cộng đồng bền vững – Các chỉ số cho đô thị thông minh Sustainable cities and communities — Indicators for smart cities	TCVN ISO 37122:2020
21	Đô thị và cộng đồng bền vững – Các chỉ số cho đô thị có khả năng phục hồi Sustainable cities and communities — Indicators for resilient cities	TCVN ISO 37123:2020
22	Đô thị và cộng đồng bền vững – Các chỉ số về môi trường, xã hội và quản trị (ESG) cho các đô thị Sustainable cities and communities – Environmental, social and governance (ESG) indicators for cities	TCVN 14505:2025
23	Phát triển bền vững cho cộng đồng – Danh mục các hướng dẫn và cách tiếp cận hiện hành về sự phát triển bền vững và khả năng phục hồi tại các đô thị Sustainable develop	TCVN ISO/TR 37121:2018

TT	Tên quy chuẩn, tiêu chuẩn	Văn bản ban hành
	ment in communities – Inventory of existing guidelines and approaches on sustainable development and resilience in cities	
24	<p>Đô thị thông minh – Hướng dẫn thiết lập khung ra quyết định về chia sẻ dịch vụ thông tin và dữ liệu</p> <p>Smart cities – Guide to establishing a decision-making framework for sharing data and information services</p>	TCVN 13243:2020
25	<p>Đô thị thông minh – Phát triển các đề xuất dự án để cung cấp các giải pháp đô thị thông minh – Hướng dẫn</p> <p>Smart Cities - Developing project proposals for delivering smart city solutions. Guide</p>	TCVN 13244:2020
26	<p>Đô thị thông minh – Đặc tả cho việc thiết lập và triển khai cách tiếp cận tập trung vào an ninh/tâm thức an ninh</p> <p>Smart cities – Specification for establishing and implementing a security-minded approach</p>	TCVN 13245:2020
27	<p>Hệ thống giao thông thông minh - Kiến trúc mô hình tham chiếu cho hệ thống giao thông thông minh (ITS) - Phần 1: Các miền dịch vụ, nhóm dịch vụ và dịch vụ ITS</p> <p>Intelligent transport systems - Reference model architecture(s) for the ITS sector - Part 1: ITS service domains, service groups and services</p>	TCVN 12836-1:2020
28	<p>Hệ thống giao thông thông minh (ITS) – Trao đổi dữ liệu với các mô đun giao tiếp bên đường Phần 1: Nguyên tắc chung và khung tài liệu cho các hồ sơ ứng dụng</p> <p>Intelligent transport systems (ITS) – Data Exchange Involving Roadside Modules Communication Part 1: General principles and documentation framework of application profiles</p>	TCVN 13599-1:2022
29	<p>Hệ thống giao thông thông minh (ITS) – Trao đổi dữ liệu với các mô đun giao tiếp bên đường – Phần 2: Giao tiếp giữa trung tâm và các thiết bị liên quan bằng giao thức SNMP</p> <p>Intelligent transport systems (ITS) – Data Exchange Involving Roadside Modules Communication – Part 2: Traffic Management Centre to field device communications using SNMP</p>	TCVN 13599-2:2022

TT	Tên quy chuẩn, tiêu chuẩn	Văn bản ban hành
30	<p>Hệ thống giao thông thông minh (ITS) – Trao đổi dữ liệu với các mô đun giao tiếp bên đường – Phần 3: Hồ sơ ứng dụng – Trao đổi dữ liệu (AP-DATEX)</p> <p>Intelligent transport systems (ITS) – Data exchange involving roadside modules communication – Part 3: Application profile-data exchange (AP-DATEX)</p>	TCVN 13599-3:2022
31	<p>Hệ thống giám sát và thông tin giao thông – Giao diện dữ liệu giữa các trung tâm phục vụ hệ thống giám sát và thông tin giao thông – Phần 1: Các yêu cầu định nghĩa thông điệp Transport information and control systems – Data interfaces between centres for transport information and control systems – Part 1: Message definition requirements</p>	TCVN 13600-1:2022
32	<p>Hệ thống giám sát và thông tin giao thông – Giao diện dữ liệu giữa các trung tâm phục vụ hệ thống giám sát và thông tin giao thông – Phần 2: DATEX-ASN</p> <p>Transport information and control systems – Data interfaces between centres for transport information and control systems – Part 2: DATEX-ASN</p>	TCVN 13600-2:2022
33	<p>Hệ thống giám sát và thông tin giao thông – Giao diện dữ liệu giữa các trung tâm phục vụ hệ thống giám sát và thông tin giao thông – Phần 3: Giao diện dữ liệu giữa các trung tâm phục vụ hệ thống giao thông thông minh (ITS) sử dụng XML (Hồ sơ A)</p> <p>Transport information and control systems – Data interfaces between centres for transport information and control systems – Part 3: Data interfaces between centres for intelligent transport systems (ITS) using XML (Profile A)</p>	TCVN 13600-3:2022
34	<p>Hệ thống giao thông thông minh (ITS) – Giao thức hướng dẫn qua thiết bị ITS cá nhân cho các hệ thống cảnh báo an toàn giao thông - Phần 1: Thông tin chung và xác định trường hợp sử dụng</p> <p>Intelligent transport systems –Guidance protocol via personal ITS station for advisory safe system Part 1: General information and use case definitions</p>	TCVN 13063-1:2020
35	<p>Hệ thống giao thông thông minh (ITS)– Giao thức hướng dẫn qua thiết bị ITS cá nhân cho các hệ thống cảnh báo an toàn giao thông - Phần 2: Các yêu cầu và đặc tả giao thức hướng dẫn đường bộ</p>	TCVN 13063-2:2020

TT	Tên quy chuẩn, tiêu chuẩn	Văn bản ban hành
	Intelligent transport systems(ITS)–Guidance protocol via personal ITS station for advisory safe system - Part 2: Road guidance protocol (RGP) requirements and specification	
36	<p>Hệ thống giao thông thông minh (ITS)– Giao thức hướng dẫn qua thiết bị ITS cá nhân cho các hệ thống cảnh báo an toàn giao thông - Phần 3: Đặc tả kiểm thử sự phù hợp với giao thức hướng dẫn đường bộ</p> <p>Intelligent transport systems(ITS)–Guidance protocol via personal ITS station for advisory safe system -Part 3: Road guidance protocol (RGP) conformance test specification</p>	TCVN 13063-3:2020
37	<p>Hệ thống giao thông thông minh (ITS) – Giao diện phương tiện để cung cấp và hỗ trợ dịch vụ ITS - Phần 1: Thông tin chung và xác định trường hợp sử dụng</p> <p>Intelligent transport systems – Vehicle interface for provisioning and support of ITS services - Part 1: General information and use case definitions</p>	TCVN 13064-1:2020
38	<p>Hệ thống giao thông thông minh (ITS) – Giao diện phương tiện để cung cấp và hỗ trợ dịch vụ ITS – Phần 2: Yêu cầu và đặc tả giao thức cổng hợp nhất đối với giao diện cổng trạm ITS phương tiện</p> <p>Intelligent transport systems – Vehicle interface for provisioning and support of ITS services – Part 2: Unified gateway protocol (UGP) requirements and specification for vehicle ITS station gateway (V-ITS-SG) interface</p>	TCVN 13064-2:2020
39	<p>Hệ thống giao thông thông minh – Giao diện phương tiện để cung cấp và hỗ trợ dịch vụ ITS - Phần 3: Đặc tả API máy chủ và máy khách giao thức giao diện phương tiện hợp nhất Intelligent transport systems - Vehicle interface for provisioning and support of ITS Services - Part 3:Unified vehicle interface protocol (UVIP) server and client API specification</p>	TCVN 13064-3:2020
40	Hệ thống giao thông thông minh – Từ điển dữ liệu trung tâm ITS – Phần 1: Yêu cầu đối với định nghĩa dữ liệu ITS	TCVN 13910-1:2024

TT	Tên quy chuẩn, tiêu chuẩn	Văn bản ban hành
	Intelligent transport systems - ITS central data dictionaries - Part 1: Requirements for ITS data definitions	
41	<p>Hệ thống giao thông thông minh – Từ điển dữ liệu trung tâm ITS - Phần 2: Quản lý đăng ký khái niệm dữ liệu ITS trung tâm</p> <p>Intelligent transport systems - ITS central data dictionaries - Part 2: Governance of the Central ITS Data Concept Registry</p>	TCVN 13910-2:2024
42	<p>Hệ thống giao thông thông minh – Từ điển dữ liệu trung tâm ITS – Phần 3: Gán mã định danh đối tượng cho các khái niệm dữ liệu ITS</p> <p>Intelligent transport systems - ITS central data dictionaries - Part 3: Object identifier assignments for ITS data concepts</p>	TCVN 13910-3:2024
43	<p>Hạ tầng thông minh cho cộng đồng - Xem xét hoạt động hiện tại liên quan đến chuẩn đo</p> <p>Smart community infrastructures - Review of existing activities relevant to metrics</p>	TCVN 37150:2018
44	<p>Hạ tầng thông minh cho cộng đồng – Nguyên tắc và yêu cầu đối với chuẩn đo kết quả hoạt động</p> <p>Smart community infrastructures – Principles and requirements for performance metrics</p>	TCVN 37151:2018
45	<p>Hạ tầng thông minh cho cộng đồng – Khuôn khổ chung về phát triển và vận hành</p> <p>Smart community infrastructures – Common framework for development and operation</p>	TCVN 37152:2018
46	<p>Hạ tầng thông minh cho cộng đồng - Mô hình trưởng thành cho đánh giá và cải tiến</p> <p>Smart community infrastructures — Maturity model for assessment and improvement</p>	TCVN ISO 37153:2020
47	<p>Hạ tầng thông minh cho cộng đồng - Hướng dẫn thực hành tốt trong giao thông vận tải</p> <p>Smart community infrastructures — Best practice guidelines for transportation</p>	TCVN ISO 37154:2020
48	<p>Hạ tầng thông minh cho cộng đồng - Giao thông vận tải thông minh cho đô thị thu gọn</p> <p>Smart community infrastructures — Smart transportation for compact cities</p>	TCVN ISO 37157:2020

TT	Tên quy chuẩn, tiêu chuẩn	Văn bản ban hành
49	<p>Hệ thống quản lý sử dụng nước hiệu quả - Yêu cầu hướng dẫn sử dụng</p> <p>Water efficiency management systems — Requirements with guidance for use</p>	TCVN ISO 46001:2025
50	<p>Tái sử dụng nước tại khu vực đô thị – Hướng dẫn cho hệ thống tái sử dụng nước tập trung – Phần 1: Nguyên tắc thiết kế hệ thống tái sử dụng nước tập trung</p> <p>Water reuse in urban areas — Guidelines for centralized water reuse system — Part 1: Design principle of a centralized water reuse system</p>	TCVN 12525-1:2018
51	<p>Tái sử dụng nước tại khu vực đô thị – Hướng dẫn cho hệ thống tái sử dụng nước tập trung – Phần 2: Quản lý hệ thống tái sử dụng nước tập trung</p> <p>Water reuse in urban areas - Guidelines for centralized water reuse system - Part 2: Management of a centralized water reuse system</p>	TCVN 12525-2:2018
52	<p>Tin học y tế – Gán, làm nhãn phân định và thu nhận dữ liệu tự động – Phân định nhân viên y tế và bệnh nhân</p> <p>Health Informatics — Automatic identification and data capture marking and labelling — Subject of care and individual provider identification</p>	TCVN 12344:2019
53	<p>Công nghệ thông tin – Chỉ số công nghệ thông tin và truyền thông cho đô thị thông minh</p> <p>Information technology – Smart city Information and Communication Technologies indicators</p>	TCVN 14506:2025
54	<p>Công nghệ thông tin – Kiến trúc tham chiếu nền tảng số đô thị thông minh – Dữ liệu và dịch vụ</p> <p>Information technology – Smart city digital platform reference architecture – Data and service</p>	TCVN 14507:2025
<b>III</b>	<b>Các tiêu chuẩn quốc tế, khu vực, nước ngoài về ICT phát triển đô thị thông minh</b>	
1	<p>Phát triển bền vững trong cộng đồng - Hệ thống quản lý cho phát triển bền vững - Các yêu cầu hướng dẫn sử dụng</p> <p>Soát xét: TCVN 37101:2028</p>	ISO 37101:2016 (Amd 1:2024)

TT	Tên quy chuẩn, tiêu chuẩn	Văn bản ban hành
2	Cộng đồng và đô thị bền vững - Hướng dẫn thiết lập mô hình điều hành đô thị thông minh cho các cộng đồng bền vững Soát xét: TCVN ISO 37106:2018	ISO 37106:2021
3	Đô thị và cộng đồng bền vững - Mô hình trưởng thành cho cộng đồng thông minh, bền vững	ISO 37108:2022
4	Đô thị và cộng đồng bền vững - Các chỉ số cho dịch vụ đô thị và chất lượng cuộc sống Soát xét: TCVN 37120:2018	ISO 37120:2018
5	Đô thị thông minh — Hướng dẫn thiết lập khuôn khổ ra quyết định để chia sẻ dữ liệu và dịch vụ thông tin	ISO/IEC 17917:2024
6	Công nghệ thông tin — Ontology cấp cao cho các chỉ số thành phố thông minh	ISO/IEC 21972:2020
7	Công nghệ thông tin — Khung tham chiếu CNTT Thành phố thông minh - Phần 1: Khung quy trình kinh doanh thành phố thông minh	ISO/IEC 30145-1:2021
8	Công nghệ thông tin — Khung tham chiếu CNTT Thành phố thông minh - Phần 2: Khung quản lý tri thức thành phố thông minh	ISO/IEC 30145-2:2020
9	Công nghệ thông tin — Khung tham chiếu CNTT Thành phố thông minh - Phần 3: Khung kỹ thuật thành phố thông minh	ISO/IEC 30145-3:2020
10	Mô hình khái niệm thành phố thông minh — Hướng dẫn thiết lập mô hình tương tác dữ liệu Soát xét: TCVN 14168:2024	ISO/IEC 30182:2017
11	Khung tích hợp và vận hành cơ sở hạ tầng cộng đồng thông minh - Phần 1: Khuyến nghị để xem xét các cơ hội và thách thức từ các tương tác trong cơ sở hạ tầng cộng đồng thông minh từ các khía cạnh liên quan trong suốt vòng đời	ISO 37155-1:2020
12	Khung tích hợp và vận hành cơ sở hạ tầng cộng đồng thông minh — Phần 2: Phương pháp tiếp cận toàn diện và chiến lược phát triển, vận hành và bảo trì cơ sở hạ tầng cộng đồng thông minh	ISO 37155-2:2021
13	Cơ sở hạ tầng cộng đồng thông minh — Hướng dẫn về trao đổi và chia sẻ dữ liệu cho cơ sở hạ tầng cộng đồng thông minh	ISO 37156:2020

TT	Tên quy chuẩn, tiêu chuẩn	Văn bản ban hành
14	Cơ sở hạ tầng cộng đồng thông minh — Khung tích hợp dữ liệu đô thị cho quy hoạch thành phố thông minh (SCP)	ISO 37166:2022
15	Cơ sở hạ tầng cộng đồng thông minh — Khung dữ liệu cho quản trị cơ sở hạ tầng dựa trên công nghệ số tại các thành phố thông minh	ISO 37170:2022
16	Cơ sở hạ tầng cộng đồng thông minh — Trao đổi và chia sẻ dữ liệu cho cơ sở hạ tầng cộng đồng dựa trên thông tin địa lý	ISO TS 37172:2022
17	Cơ sở hạ tầng cộng đồng thông minh — Hướng dẫn phát triển hệ thống thông tin tòa nhà thông minh	ISO 37173:2023
18	Cơ sở hạ tầng cộng đồng thông minh — Đánh giá khả năng phản ứng và mô hình trưởng thành	ISO 37176:2024
19	Hướng dẫn thực hiện thực tế loạt tiêu chuẩn ISO 37155 để giám sát ở từng giai đoạn vòng đời của cơ sở hạ tầng cộng đồng thông minh	ISO 37190:2025
20	Di chuyển và vận tải bền vững — Quản trị số — Nhu cầu chiến lược liên quan đến mục đích phát triển bền vững của ISO 37101	ISO 16481:2025
21	Di chuyển và vận tải bền vững — Di chuyển tự động sử dụng cơ sở hạ tầng vật lý và kỹ thuật số - Phần 1: Kiến trúc vai trò dịch vụ	ISO 16499-1:2025
22	Di chuyển và vận tải bền vững — Khung cho các dịch vụ vận tải bằng cách cung cấp mạng lưới cho truyền thông 5G	ISO 37184:2023
23	An toàn thông tin, an ninh mạng và bảo vệ quyền riêng tư — Hệ thống quản lý an toàn thông tin — Yêu cầu Soát xét: TCVN ISO/IEC 27001:2019	ISO/IEC 27001:2022 và ISO/IEC 27001:2022/Amd 1:2024
24	An toàn thông tin, an ninh mạng và bảo vệ quyền riêng tư — Biện pháp kiểm soát an toàn thông tin Soát xét: ISO/IEC 27002:2020	ISO/IEC 27002:2022
25	Công nghệ thông tin — Kỹ thuật bảo mật — Hệ thống quản lý an toàn thông tin — Hướng dẫn	ISO/IEC 27003:2017
26	An toàn thông tin, an ninh mạng và bảo vệ quyền riêng tư — Hướng dẫn quản lý rủi ro an toàn thông	ISO/IEC 27005:2022

TT	Tên quy chuẩn, tiêu chuẩn	Văn bản ban hành
	tin	
27	An toàn thông tin, an ninh mạng và bảo vệ quyền riêng tư — Hướng dẫn quản lý rủi ro an toàn thông tin	ISO/IEC 27701:2019
28	Internet vạn vật (IoT) và bản sao kỹ thuật số — Từ vựng (Internet of Things (IoT) and digital twin — Vocabulary)	ISO/IEC 20924:2024
29	Bản sao kỹ thuật số — Khái niệm và thuật ngữ (Digital twin — Concepts and terminology)	ISO/IEC 30173:2023
30	Internet vạn vật (IoT) và bản sao kỹ thuật số — Các phương pháp hay nhất cho các dự án trường hợp sử dụng (Internet of things (IoT) and digital twin — Best practices for use case projects)	ISO/IEC 30194:2024
31	Công nghệ thông tin – Kiến trúc thiết bị UPnP – Giao thức điều khiển thiết bị điều khiển và quản lý IoT – Phần 30-10: Dịch vụ lưu trữ dữ liệu	ISO/IEC 29341-30-10:2017
32	Công nghệ thông tin – Kiến trúc thiết bị UPnP – Giao thức điều khiển thiết bị điều khiển và quản lý IoT – Phần 30-11: Dịch vụ mô hình dữ liệu điều khiển và quản lý IoT	ISO/IEC 29341-30-11:2017
33	Công nghệ thông tin – Kiến trúc thiết bị UPnP – Giao thức điều khiển thiết bị điều khiển và quản lý IoT – Phần 30-12: Dịch vụ truyền điều khiển và quản lý IoT	ISO/IEC 29341-30-12I:2017
34	Trí tuệ nhân tạo — Chất lượng dữ liệu cho phân tích và học máy (ML) — Phần 1: Tổng quan, thuật ngữ và ví dụ	ISO/IEC 5259-1:2024
35	Trí tuệ nhân tạo — Chất lượng dữ liệu cho phân tích và học máy (ML) — Phần 2: Các biện pháp chất lượng dữ liệu	ISO/IEC 5259-2:2024
36	Trí tuệ nhân tạo — Chất lượng dữ liệu cho phân tích và học máy (ML) — Phần 3: Yêu cầu và hướng dẫn quản lý chất lượng dữ liệu	ISO/IEC 5259-3:2024
37	Trí tuệ nhân tạo — Chất lượng dữ liệu cho phân tích và học máy (ML) — Phần 4: Khung quy trình chất lượng dữ liệu	ISO/IEC 5259-4:2024
38	Trí tuệ nhân tạo — Chất lượng dữ liệu cho phân tích và học máy (ML) — Phần 5: Khung quản trị chất lượng dữ liệu	ISO/IEC 5259-5:2024

TT	Tên quy chuẩn, tiêu chuẩn	Văn bản ban hành
39	Công nghệ thông tin — Trí tuệ nhân tạo — Hướng dẫn ứng dụng AI	ISO/IEC 5339:2024
40	Công nghệ thông tin — Trí tuệ nhân tạo — Quy trình vòng đời hệ thống AI	ISO/IEC 5338:2023
41	Công nghệ thông tin — Trí tuệ nhân tạo (AI) — Đánh giá tác động của hệ thống AI	ISO/IEC 42005:2025
42	Công nghệ thông tin — Trí tuệ nhân tạo — Yêu cầu đối với các tổ chức cung cấp dịch vụ kiểm toán và chứng nhận hệ thống quản lý trí tuệ nhân tạo	ISO/IEC 42006:2025
43	Công nghệ thông tin — Trí tuệ nhân tạo — Hướng dẫn quản lý rủi ro	ISO/IEC 23894:2023
44	Công nghệ thông tin — Điện toán đám mây — Kiểm toán dịch vụ đám mây	ISO/IEC TR 3445:2022
45	Công nghệ thông tin — Điện toán đám mây — Các khái niệm về đa đám mây và việc sử dụng nhiều dịch vụ đám mây	ISO/IEC 5140:2024
46	Công nghệ thông tin — Điện toán đám mây — Tổng quan về loại khả năng của nền tảng và nền tảng dưới dạng dịch vụ	ISO/IEC TS 7339:2024
47	Công nghệ thông tin - Các chỉ số hiệu quả chính của Trung tâm dữ liệu - Phần 1: Tổng quan và các yêu cầu chung	ISO/IEC 30134-1:2016
48	Công nghệ thông tin - Các chỉ số hiệu quả chính của Trung tâm dữ liệu - Phần 3: Yếu tố năng lượng tái tạo (REF)	ISO/IEC 30134-3:2016
49	Công nghệ thông tin - Các chỉ số hiệu quả chính của Trung tâm dữ liệu - Phần 4: Hiệu quả năng lượng thiết bị CNTT cho máy chủ (ITEEsv)	ISO/IEC 30134-4:2017
50	Công nghệ thông tin - Các chỉ số hiệu quả chính của Trung tâm dữ liệu - Phần 5: Sử dụng thiết bị CNTT cho máy chủ (ITEUsv)	ISO/IEC 30134-5:2017
51	Công nghệ thông tin - Các chỉ số hiệu quả chính của Trung tâm dữ liệu - Phần 6: Hệ số tái sử dụng năng lượng (ERF)	ISO/IEC 30134-6:2021
52	Dịch vụ tài chính di động - Hướng dẫn định danh khách hàng	ISO 5158:2023
53	Dịch vụ tài chính - Bảo mật thanh toán bằng quét mã	ISO 5201:2024

TT	Tên quy chuẩn, tiêu chuẩn	Văn bản ban hành
54	Dịch vụ tài chính — Mã định danh pháp nhân (LEI) — Phần 1: Phân công Soát xét TCVN 12106:2017 (ISO 17442:2012)	ISO 17442-1:2020
55	Dịch vụ tài chính — Mã định danh pháp nhân (LEI) — Phần 2: Ứng dụng trong chứng thư số	ISO 17442-2:2020
56	Dịch vụ tài chính — Mã định danh pháp nhân (LEI) — Phần 3: LEI có thể xác minh (vLEI)	ISO 17442-3:2024
57	Giao dịch điện tử - Yêu cầu vận hành và kiểm soát đối với tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng	ETSI EN 319 411-1 và một phần ETSI EN 319 411-2 phù hợp áp dụng trong pháp luật Việt Nam
58	Giao dịch điện tử - Yêu cầu vận hành và kiểm soát đối với tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng theo mô hình ký số từ xa	ETSI TS 119 431-1, ETSI TS 119 431-2
59	Giao dịch điện tử - Yêu cầu vận hành và kiểm soát đối với tổ chức cung cấp dịch vụ cấp dấu thời gian	ETSI EN 319 421
60	Giao dịch điện tử - Yêu cầu vận hành và kiểm soát đối với tổ chức cung cấp dịch vụ gửi, nhận thông điệp dữ liệu bảo đảm	ETSI EN 319 521, ETSI EN 319 531
61	Giao dịch điện tử - Yêu cầu vận hành và kiểm soát đối với tổ chức cung cấp dịch vụ lưu trữ và xác nhận tính toàn vẹn của thông điệp dữ liệu	ETSI TS 119 511
62	Giao dịch điện tử - Giao thức cấp dấu thời gian cho dịch vụ tin cậy	ETSI EN 319 422
63	Giao dịch điện tử - Giao thức tạo chữ ký số cho mô hình ký số từ xa	ETSI TS 119 432
64	Giao dịch điện tử - Ứng dụng ký trên máy chủ ký số cho mô hình ký số từ xa	EN 419241-1:2018
65	Giao dịch điện tử - Yêu cầu về mô đun ký số cho mô hình ký số từ xa	EN 419241-2:2019
66	Giao dịch điện tử - Yêu cầu về dịch vụ chứng thực thông điệp dữ liệu	ETSI EN 319 522: Part 1, 2, 3, 4-1, 4-2; ETSI EN 319 532: Part 1, 2, 3, 4; ETSI TS 119 512; ETSI

TT	Tên quy chuẩn, tiêu chuẩn	Văn bản ban hành
		TS 101 533-1; RFC 4998; RFC 6283
67	Giao dịch điện tử - Yêu cầu về ký số trên thông điệp dữ liệu để lưu trữ dài hạn	ETSI TS 119 172: Part 1, 2, 3, 4; ETSI EN 319 102-1, 2; ETSI EN 319 122-1, 2, 3; ETSI EN 319 142-1,2; ISO 32000-1:2008; ISO 14533-3:2017; ISO 32000-2:2020; ETSI EN 319 132-1, 2
68	Giao dịch điện tử - Yêu cầu về chức năng, nghiệp vụ cho mô hình ký số trên thiết bị di động	ETSI TR 102 203
69	Giao dịch điện tử - Yêu cầu về giao diện dịch vụ Web cho mô hình ký số trên thiết bị di động	ETSI TS 102 204
70	Giao dịch điện tử - Yêu cầu về khung bảo mật cho mô hình ký số trên thiết bị di động	ETSI TR 102 206
71	Giao dịch điện tử - Yêu cầu về thông số kỹ thuật chuyên vùng cho mô hình ký số trên thiết bị di động	ETSI TS 102 207
72	Khuyến nghị cho các ứng dụng sử dụng thuật toán băm được chấp thuận	NIST Special Publication 800-107
73	Giao dịch điện tử - Yêu cầu về phần mềm ký số, phần mềm kiểm tra chữ ký số	NIST Special Publication 800-89
74	Khuyến nghị về Quản lý Khóa: Phần 1 – Tổng quan	NIST Special Publication 800-57 Part 1 Revision 5